

Ý nghĩa Pháp khí và Pháp phục sử dụng trong Phật giáo

Thích Chúc Xuân

Pháp khí là những dụng cụ dùng để thực hành các loại pháp sự, để dâng cúng lên chư Phật hoặc các đạo tràng nghiêm trang, hoặc làm dụng cụ trợ ích trong tu tập. Pháp phục là những y cụ cần thiết cho tu sĩ

Nghi Lễ trong đạo Phật có rất nhiều pháp khí như: Chuông, trống, bảng, khánh, tràng hạt, bình bát, cà sa, tích trượng v.v... mỗi thứ đều có một công dụng và ý nghĩa khác nhau.

I/ Những pháp khí thông thường:

1/ CHUÔNG:

Xuất xứ: Theo như trong kinh Tăng nhất a hàm có chép: Mỗi khi nghe tiếng chuông ngân lên, thì các hình phạt trong các ác đạo tạm thời dừng nghỉ, chúng sanh nào đang chịu những hình phạt ấy cũng được tạm thời an vui. Nghe được tiếng chuông là phiền não nhẹ voi đi.

Theo kinh Tăng A Hàm, quyển 24 Đức Phật bảo ngài A Nan: “hãy đánh chuông lên để tập họp chúng, nhân ngày rằm tháng 7”. Vậy chuông là một pháp khí để tập họp Tăng Chúng và thức tỉnh Chúng Sinh đã có từ thời Phật tại thế.



Trong chuyện Cảm thông cũng có chép:

.. "Ngày xưa khi đức Phật Câu lưu Tôn ở tại viện Tu đa La xứ Càng trúc đã có tạo một quả chuông bằng đá xanh, thường vào lúc mặt trời vừa mọc khi tiếng chuông ấy vừa ngân lên thì trong ánh mặt trời ấy có các vị Hóa Phật hiện ra, diễn nói 12 bộ kinh, làm cho người nghe được chứng thánh quả không kể xiết".

Trong bộ kinh Kim cang Chí cũng có chép: "Vua Hiếu cao Hoàng đế đòi nhà Đường nhơn vì nghe lời sàm tấu của Tổng tể Khuru mà giết lầm kẻ tội trung tên là Hòa Châu, nên khi chết đọa vào địa ngục. Một hôm có một người bị bạo tử (chết thành linh) thần hồn đi lạc vào địa ngục ấy, thấy một tội nhân đang bị gông cùm, bị kèm kẹp đánh đập rất là khổ sở, hỏi ra thì mới biết là vua Hiếu Cao nhà Đường. Vua gọi vị bạo tử ấy vào mà nói rằng: Nhờ người trở lại dương thế nói giúp với hậu chúa rằng: Hãy vì ta mà đúc chuông cúng dường và làm các việc từ thiện. Khi trở lại dương thế, người bạo tử liền đến yết kiến hậu chúa để chuyển lời nhắn nhủ của vua Hiếu Cao. Nghe vậy, hậu chúa liền thân hành đến chùa Thanh Lương phát nguyện đúc một quả chuông để cúng dường và cầu siêu cho Hiếu Cao Hoàng đế. (Tích này trong truyện Bách Trượng thanh quy, trang 68 và 87). Đồng thời trong kinh Lăng nghiêm, đức Phật cũng bảo ngài La hâu La đánh chuông để giảng cái lý cho Tôn giả A Nan nghe. Vì thế chúng ta có thể hiểu rằng chuông đã có từ thời đức Phật còn tại thế.

Ở Trung Quốc, chuông đã được sử dụng tại các tự viện từ đời nhà Chu (557 trước tây lịch), nhà Tùy (609) "Tục Cao Tăng Truyện: ngài Trí Hưng nhận lo việc chuông tại chùa Thiên Định ở kinh đô Trường An". Thế kỷ thứ VI, Hòa Thượng Chí Công khởi xướng, vua Lương Vũ Đế thực hiện "Hồng chung" cầu nguyện cho các thần thức bị đọa trong chốn U Minh (địa ngục).

Phật Giáo Việt Nam từ trước đến nay thường sử dụng 3 loại chuông:

A- Hồng Chung: Cũng còn gọi là Phạn chung, Hoa chung, Cự chung, Đại chung.

Chuông này được đúc bằng đồng xanh pha ít sắt. Thông thường chuông cao khoảng 1.50m, đường kính khoảng 6 tấc. Loại này treo trong lầu chuông, mục đích thỉnh chuông là để chiêu tập đại chúng hoặc báo thời sớm tối. Người Việt Nam thường dùng từ "Đại hồng chung" chỉ cho loại chuông thật lớn, gần như không còn có quy định, có nơi được tính theo tiếng ngân dài của chuông. Như ở Huế: đánh chuông lên, dùng hai tay dang ra và gập lại vào ngực gọi là một "sải", làm như vậy cho đến khi tiếng ngân của chuông chấm dứt, được bao nhiêu lần là chuông lớn bấy nhiêu "sải".

Đại hồng chung còn được dùng:

1- dùng công phu khuya sớm:

Người thỉnh chung: tay đánh chuông, miệng đọc bài kệ:

Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới

Thiết vi u ám tất giai văn.

Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,

Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.

(Hòa thượng Thích Trí Quang dịch:
Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới,
Thiết vi u ám cũng nghe được.
Căn cảnh thanh tịnh chứng viên thông,
Hết thấy chúng sanh thành chánh giác).

Đồng thời, nguyện cho tất cả loài hữu tình lắng lòng nghe tiếng chuông, rồi duyên theo tiếng chuông ấy cũng bằng câu kệ:

Văn chung thanh phiền não khinh,
Trí huệ trường bồ đề sanh,
Ly địa ngục xuất hỏa khanh,
Nguyện thành Phật độ chúng sanh.
Án, già ra đế da tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Nghe được tiếng chuông, phiền não liền nhẹ,
Trí huệ thêm lớn, sanh tâm bồ đề
Ra khỏi địa ngục, vượt thoát hầm lửa,
Nguyện được thành Phật, để độ chúng sanh.
Án, già ra đế da tóa ha (3 lần)

Tiếng chuông sớm hay tiếng chuông chiều không những chỉ để cảnh tỉnh cõi dương mà còn hướng dẫn cho cõi âm nữa. Vì thế mà thường gọi là chuông U minh.



2- chuông trống Bát Nhã (đánh theo bài kệ ở sau – xem mục **A - Trống lớn**)

3- và trong các đại trai đàn chẩn tế, thường gọi là Chuông U Minh.

B- Chuông báo chúng:

Cũng còn gọi là Hoán chung, Tiểu chung, Bán chung, kích thước bằng $\frac{1}{2}$, hình dáng giống như Hồng Chung, thường để một góc trong chánh điện, được treo trên giá và di chuyển dễ dàng, Cũng gọi là chuông Tăng đường, tức là chuông nhỏ, chỉ một người xách lên được. Hình thái cũng như chuông U minh, được treo ở trai đường, dùng để báo tin trong lúc họp chư Tăng biết vào những lúc: Nhóm chúng, thọ trai, giờ chấp tác, giờ bái sám trong các tự viện, báo hiệu cho quý vị Tăng Chúng biết sắp đến giờ hành lễ và xử dụng trong các buổi pháp hội..Về sau kích thước cũng tùy nghi không hạn định. Về việc thỉnh chung cũng tùy theo địa phương và tông phái, nhưng chung quy cũng biểu thị sự thanh lọc căn trần, vơi đi phiền não, hướng về giải thoát.



C- Chuông gia trì:



Là loại chuông xử dụng chung với mõ để tụng kinh, hành lễ hằng ngày trước bàn Phật. Hình dáng như $\frac{1}{2}$ quả cầu hay một cái tô để ngửa. Việc thỉnh chung:(xem bài khai chuông mõ).

Loại chuông này dùng để đánh lên trong lúc tụng kinh bái sám. Tiếng chuông gia trì được xử dụng trước khi tụng kinh hay báo hiệu sắp hết đoạn kinh đang tụng hay câu niệm Phật. Cũng thường đánh lên khi lạy Phật một mình. Còn khi đông người thì để báo hiệu cùng lạy cho nhịp nhàng. Chuông gia trì có đủ ba loại lớn, vừa và nhỏ. Chuông vừa và nhỏ thì thường thường Phật tử tại gia dùng nhiều hơn và cũng dùng như chư Tăng.

2/ TRỐNG:

Xuất xứ: Trong kinh Kim Quang Minh có chép: Một hôm người Tín trưởng Bồ tát nằm mộng thấy một cái trống bằng vàng. Trống ấy có chiếu ra hào quang sáng rực như mặt trời. Trong hào quang có rất nhiều đức Phật đang ngồi trên tòa sen lưu ly đặt dưới những gốc cây quý. Chung quanh các đức Phật đều có trăm nghìn ức vị đại đệ tử đang ngồi nghe pháp. Lúc ấy có một đạo sĩ Bà la môn đang cầm dùi trống đánh mạnh vào chiếc trống vàng, tiếng trống vang rền nghe như lời kinh sám hối. Khi đã tỉnh mộng, ngài Tín trưởng Bồ tát liền đem những điều ấy mà mình đã thấy nghe trình lên đức Thế tôn."



Trong kinh Lăng nghiêm cũng có chép:

Đức Phật dạy:

- Này A Nan, người hãy nghe tiếng trống mỗi khi dọn cơm xong, nghe tiếng chuông mỗi khi nhóm họp đại chúng trong tinh xá Kỳ đà hoàn này. Tiếng trống hoặc tiếng chuông ấy trước sau nối tiếp nhau. Vậy, theo ý ông, mỗi khi ông nghe được các thứ tiếng ấy là vì nó tự bay đến bên tai ông, hay tai ông đến nơi chỗ phát tiếng ấy?". (Đây là lúc đức Phật chỉ cái Tâm cho ngài A Nan)

Trống là một trong những loại nhạc khí, thường làm bằng đá, cây, đồng .v.v . xưa tại Ấn độ, dùng để báo thời gian, cảnh báo. Khi Phật còn tại thế, dùng nó để tập họp Tăng chúng, Bồ tát nghe pháp . . .Ngũ Phần Luật có ghi “Chư Tỳ Kheo Bồ Tát, chúng bất thời tập. Phật ngôn: nhược đả kiền chùy, nhược đả cổ . . .”Trung Quốc ngày xưa dùng nó trong các lễ lộc, vũ hội. Loại hình có lớn, nhỏ, treo hoặc để trên giá. Lớn gọi là “trống tâu”, nhỏ gọi là “trống ứng”, treo để đánh gọi là “trống treo”. Từ đời nhà Đường, theo thanh quy thiên môn, trống chỉ là loại pháp khí làm hiệu lệnh để báo thời sớm tối. Về sau Phật Giáo Trung Quốc phối hợp nhịp điệu, âm thanh của trống hoà cùng lời tán tụng phổ thành nhạc điệu gọi là “kỹ nhạc cúng dường, trang nghiêm đạo tràng”. Thời Đường Hiến Tông năm 820, chuông trống đã được sử dụng rộng rãi trong nghi lễ Phật Giáo (Căn cứ theo bản dịch bài Thiên sư Đại diện và Hàn Dũ). Việt Nam, trong các chùa thuộc tông phái Đại Thừa cũng sử dụng trống vào nghi lễ gần giống như Trung Quốc, nhưng âm hưởng, sắc

thái thuần túy dân tộc Việt Nam. Có nhiều loại trống, nghi lễ Phật Giáo thường sử dụng hai loại phổ thông:

A- Trống lớn (Đại cổ):



Dùng để đánh vào những dịp lễ lớn. Trống lớn thường gọi là trống Bát nhã. Đánh trống lớn có bài kệ của nó. Tiếng trống tượng trưng cho chánh pháp. Chúng sanh mỗi khi nghe tiếng trống chánh pháp ấy thì tội chướng được tiêu trừ và cũng nhờ đó mà được giải thoát vào cảnh giới an lạc. Vì khi nghe được tiếng trống Bát nhã, tùy loại chúng sanh mà thâm nhập tiếng trống và có thể nương vào tiếng trống mà cảm nhận được dung nhan của đức Phật. Tiếng trống Bát nhã đánh lên để cung thỉnh Phật đăng bảo tọa.

1- Đánh chuông trống Bát Nhã:

a-Khai: Nhập cùng với chung, bãng (nếu có); Cách đánh trong CD khai kinh Huế:

- 3 hồi chuông gia trì (cgt).- Mộc bãng(M), trống(T)- M T- MT- MTMT- MT-M (7M và 6T)

- cgt, M, T- HồngCh, cgt, cgt, M, T- HồngCh, cgt, M, T- xxxx (gõ vành), T- xxxx (gõ vành), T ttttttt(trống luôn). Hoặc đánh- nhập hai tiếng (nhị để dung thông).

-3 tiếng tiếp (mỗi lần một tiếng): Quy y Tam Bảo, dứt tam độc (tham, sân, si) -7 tiếng. (Thường gọi chung là một hồi luôn).

b- Bài kệ: Bát Nhã hội (3 lần)

Thỉnh Phật thượng đường

Đại chúng đồng văn

Bát Nhã âm

Phổ nguyện pháp giới

Chúng hữu tình

Nhập bát Nhã

Ba La Mật Môn (5 lần, 10 lần)

Bài kệ được Đệ nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết và quý Hòa Thượng đồng thời xác tín, chứng minh.

Nghĩa là:

Hội Bát nhã,
Thỉnh Phật lên (giảng) đường,
Đại chúng đều (được) nghe:
Âm Bát nhã,
Vang khắp pháp giới,
Chúng hữu tình (vân vân),
(Đều nhập) lý Bát nhã,
Chứng nhập (pháp môn) Ba la mật.

c- Đánh dứt 4 tiếng (chứng nhập Tứ Đê): xxxx C-T xxxx C-TT xxxx C-T C

2- Đánh trống thỉnh Phật, Tổ, Thần (Đả cổ thông tam giới...)

3- Đánh trống rước Phật, Xá Lợi, Thần sắc.

B- Trống nhỏ (trống kinh): Dùng để đánh mỗi khi tụng kinh nên cũng được gọi là trống kinh (tiếng bình dân thường gọi là trống cơm). Ngoài việc dùng để tụng kinh hằng ngày vào hai thời công phu khuya và chiều trong các tự viện, trống tiểu còn dùng để hòa âm trong cổ nhạc Phật giáo và cổ nhạc Việt nam. Trống tiểu thì khó đánh hơn trống lớn. Bài học để xử dụng cho trống tiểu rất nhiều, phức tạp và khó học. Có rất nhiều thể điệu khác nhau như là thể điệu thiền khi tụng kinh, thể điệu ai khi dùng vào đám táng, chầu tế cô hồn, ... Nếu không học thì không thể xử dụng...;mới trông qua giống cái trống Cơm, nhưng hơi khác : tiếng dòn và trong hơn, cái dùi đánh trống gọi là roi trống



3/ MŨI:

Xuất xứ: Trong bộ sách Sắc tu Thanh quy Pháp khí về chương mộc ngư có chép rằng:

Lời Tương truyền: Loài cá luôn thức không bao giờ ngủ và rất hoạt động. Vì vậy khi tạo loại pháp khí này thì mõ được chạm trở theo hình con cá với thâm ý là muốn thức tỉnh con người cũng như chúng hữu tình đang còn trong mê muội, u trầm.



Trong sách Chính ngôn đời nhà Đường thì chép: Có một người bạch y đến hỏi một vị Trưởng lão ở Thiên trúc rằng: Tại sao các Tăng xá đều có treo mõ?

Vị trưởng lão trả lời:

- Vì để cảnh tỉnh chúng Tăng tại Tăng xá hay tự viện ấy.

Người bạch y hỏi tiếp:

Nhưng tại sao lại tạc hình con cá?

Vị Trưởng lão không trả lời được. Người bạch y lại hỏi ngài Hộ Biện và được ngài giải thích rằng:

- Loài cá là loài không bao giờ nhắm mắt và thích hoạt động. Cũng vì muốn cho người tu hành ngày đêm quên ngủ, gắng công tu tập, mau chóng đạo quả nên treo và đánh mõ và cái mõ được tạc hình con cá vậy.

Mõ có hai loại: Mõ có hình bầu dục và mõ có hình điều. Tất cả đều được tạc theo hình con cá.

- Mõ hình bầu dục để tụng kinh, điều khiển buổi lễ khi đông người tụng được nhịp nhàng.

- Mõ hình điều thì treo ở nhà trụ dùng để báo hiệu khi thọ trai hay chấp tác. Ngoài ra, cũng có một loại mõ rất nhỏ dùng để chửi Tăng đi kinh hành gọi là nhiễu Phật. Tiếng mõ vừa giữa cho buổi lễ được trang nghiêm lại vừa giữ cho tâm hồn khỏi tán loạn trong khi hành lễ. Bởi thế, người đánh mõ gọi là Duyệt chúng, tên này gọi là làm đẹp lòng mọi người trong lúc cùng tụng kinh với nhau. Đánh mõ phải học hẳn hoi, đúng điệu và đúng cú pháp của nó.

Theo sách Tam Tài Đô Hội của Vương Tích đời Đường có đoạn: “Mỡ là loại mà dùng cây khắc thành hình con cá, rỗng bên trong, gõ nó sẽ phát ra tiếng, các hàng Phật tử khi tán tụng đều dùng đến nó”. Mỡ có hai loại:

A- Loại dài hình con cá dựng đứng hoặc treo ở các nhà kho, dùng để báo hiệu giờ ăn cơm, tập họp, phổ thỉnh Tăng chúng tại các chùa ngày xưa (sách Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, chương pháp khí).



Loại mỡ dài còn thấy sử dụng tại một số đình làng ở miền Trung, Việt Nam để triệu tập dân làng khi cần. (Hiện thấy tại đình làng Dương Nỗ, sau năm 1975).

B- Loại hình tròn như vẩy cá, trên mỡ có khắc chạm hình con cá; dùng để gõ nhịp lúc tụng kinh. Loại này được nói là xuất hiện vào triều đại nhà Minh (Trung Hoa).

Theo sách Tham thiên Ngũ Đài Sơn ký (quyển 3) Tống Thần Tông, Hy Ninh năm thứ 5 ngày 8 tháng 8 ghi: Trong chùa Thanh Thái có thờ tượng Ngài Phó Đại Sĩ. Mỗi khi ngài muốn gặp các vị tu hạnh Đầu Đà nơi cao sơn chỉ gõ mỡ, chư vị sau khi nghe mỡ ấy liền đến. Sau đó các tự viện dưới chân núi đều dùng mỡ để tập họp đại chúng.

Sách Tăng Tu Giáo Uyển Thanh Quy (quyển 3) phân pháp khí, có ghi lại truyền thuyết rằng: “có một vị Tăng do phản thầy, huỷ pháp nên bị đọa làm thần cá, trên lưng con cá ấy lại mọc mấy cái cây, mỗi khi sóng to gió lớn, khiến thân ra máu, thật thống khổ vô cùng. Một lần nọ, vị Thầy Bồn Sư qua biển, nhân đó nó muốn đòi nợ, liền nói rằng: Thầy không dạy bảo nó, nên nó mới phải bị đọa làm thần cá như thế này, do đó nay nó muốn báo oán.



Thế rồi, vị thầy ấy bảo cá nên ăn năn sám hối, Thầy ấy cũng vì con cá mà cầu siêu, chú nguyện và ngay đêm đó nó được hóa kiếp. Vị Thầy Bồn Sư liền đem cây ấy đẽo thành hình con cá và treo lên để cảnh tỉnh đại chúng”. Đó là một lễ mỗ mang hình cá.

Trong Sách Tu Thanh Quy, chương Pháp Khí nói: “tương truyền cá là loại thức tỉnh suốt ngày đêm, nên khắc hình con cá mà gõ để thức tỉnh những kẻ hôn trầm lười nhác”.

Sách Gia Ngôn nói rằng: “có một người tại gia hỏi một vị Trưởng Lão Thiên Trúc rằng: “Tăng xá đều treo mỗ cá là nghĩa làm sao?”. Đáp: “dùng để cảnh tỉnh đại chúng”. Người tại gia đó lại hỏi: “nhưng vì sao lại cứ phải khắc thành hình con cá?”. Vị Trưởng Lão đó không giải đáp được bèn đến hỏi Sư Ngộ Biện. Sư đáp: “cá đêm ngày không hề nhắm mắt, đó cũng là muốn người tu hành quên ngủ để đến với đạo”.

Ý Nghĩa Về Chuông Mỗ:

- a. Trước đánh ba tiếng (tiên khởi tam),
- b. Kế nhịp bảy (thứ lôi thất),
- c. Tiếp đánh ba (tịnh đả tam),
- d. Giữa đánh mười (trung đả thập)
- e. Sau cùng dứt bốn (hậu diệt tứ).

- **Trước đánh ba tiếng:** Nghĩa là chúng sanh do ba nghiệp thân khẩu ý tạo tác mọi điều ác, sau sẽ đọa vào trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nhưng cũng có nghĩa là cố trừ ba độc: tham, sân và si để vượt lên ba giải thoát để chứng đắc ba đức: Pháp thân, Bát nhã thân và Giải thoát thân. (Phần này giảng lướt đi nên không mấy ai biết đến. Chúng tôi viết ra đây cho đủ, vì là tài liệu tham khảo).



- **Kế tiếp nhịp bảy tiếng:** Đây là tiêu biểu cho thất chi tội. Về thân thì có ba: Sát, đạo và dâm. Về khẩu thì có bốn: Vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu. Sau khi đã đoạn trừ được bảy tội nêu trên liền chứng được thất giác chi: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, định và niệm.

- **Tiếp đánh ba tiếng:** Là phát nguyện tu tam học tức là giới, định và huệ để quyết chứng cho được ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát.

- **Giữa đánh mười tiếng:** Đó là tiêu trừ mười điều ác gồm thất chi tội cộng thêm của ý có ba là mười. Từ đó, chứng nhập mười thân gồm: Bồ đề thân, nguyện thân, hóa thân, lực thân, trang nghiêm thân, oai thế thân, ý sanh thân, phước thân, pháp thân và trí huệ thân. (Phần này, sau này giảng lướt đi, không mấy ai dùng đến và cũng không mấy ai biết để ý đến. Chúng tôi viết ra đây là vì tài liệu nghiên cứu, phải làm cho đầy đủ mà thôi).

- **Sau cùng dứt bốn:** Tức là để tiêu trừ bốn tướng: Sanh, lão, bệnh và tử để chuyển thành bốn trí:

- **Thành sở tác trí:** Tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân),

- **Diệu quan sát trí:** Đệ lục ý thức,

- **Bình đẳng tánh trí:** Đệ thất Mạc na thức,

- **Đại viên cảnh trí:** Đệ bát A lại da thức.

4. Bảng và Khánh:

Xuất xứ: Bảng và Khánh là một trong những thứ pháp khí của nhà Phật. Hai loại này được thường dùng trong ngày ở các chùa, viện. Từ xưa đến nay đều dùng làm hiệu lệnh như báo tin giờ học, tụng kinh, thọ trai, chấp tác của chư Tăng.